TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 10/2023/DS -ST
Ngày 10/4/2023
V/v Kiện đòi sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh và bà Lê Thị Phương Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/ 2022/ TLST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2022. về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX - ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST - DS ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị B, sinh năm 1979.

HKTT: TK Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Hà Nội.

Và bị đơn: Anh Phùng Văn H, sinh năm 1960

HKTT: Số 7, ngách 65, ngõ Giếng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1964

HKTT: TK Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Hà Nội.

Chị Bích có mặt, Chị H, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại tòa chị Đào Thị Bích trình bày:

Do vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phùng Văn H, ở tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội có mở cửa hàng kinh doanh vàng bạc. Nên, vào các ngày 20/8/2011 và ngày 01/9/2011, chị đã đến cửa hàng của anh H, chị H để gửi cho vợ chồng anh H, chị H vay 16,5 chỉ vàng 04 số 9999, cụ thể: Ngày 20/8/2011, chị gửi anh H 6,5 chỉ vàng. Ngày 01/9/2011, chị gửi chị H 10 chỉ vàng.

Cả 16,5 chỉ đều là vàng 04 số 9, lãi xuất 10.000 đồng/01 chỉ/01 tháng kỳ hạn 12 tháng.

Sau đó, vợ chồng anh H, chị H, chỉ trả lãi cho chị được khoảng 500.000 đồng tiền lãi, còn lại thì không trả nữa. Toàn bộ số vàng gốc 16,5 chỉ vàng nêu trên, anh Hải, chị Hà cũng chưa trả cho chị bất cứ 01 chỉ nào.

Vì vậy, chị đề nghị Tòa buộc vợ chồng anh Phùng Văn H, chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị đầy đủ 16,5 chỉ vàng bốn số 9 (9999). Trường hợp anh Hải, chị H trả bằng vàng ba số chín (999), chị cũng đồng ý. Riêng lãi chị B không đề nghị.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H xác nhận có vay của chị B 16,5 chỉ vàng, nhưng là vàng 03 số chín (999), chứ không phải vàng bốn số chín (9999) như chị B khai, lãi xuất 10.000 đồng/01 chỉ/01 tháng, kỳ hạn 12 tháng. Sau đó chị có trả được 01 ít lãi cho chị Hà nhưng không nhớ bao nhiêu. Sau khi vay của chị Bích số vàng trên, chị H lại cho chị Nguyễn Thị C, ở thôn Văn Minh, xã Văn Nhân (nay là xã Nam tiến), huyện Phú Xuyên vay lại để hưởng chênh lệch, song không ngờ bị chị C đã lừa đảo chiếm đoạt, nên chị Hà không trả được nợ cho nguyên đơn. Chị đồng ý trả nợ cho chị Bích 16,5 chỉ vàng nhẫn trơn ba số 9 (999) và đề nghị trả dần và không tính lãi.

Về việc chị Bích yêu cầu chị và anh H cùng trả nợ, chị không đồng ý, vì giao dịch ở đây là giao dịch cá nhân, giữa chị và chị Bích. Anh Hải chỉ là người nhận hộ, việc anh Hải và chị sử dụng hóa đơn của cửa hàng vàng bạc Hải - Hà để viết giấy nhận vàng của chị Bích cũng chỉ là để thuận tiện cho việc giao dịch thôi, không có mục đích gì khác. Nợ chị vay, thì chị trả.

Đồng bị đơn anh Phùng Văn Hải trình bày: Anh H thống nhất với quan điểm của chị Hà và cho rằng, việc nhận vay tiền là của cá nhân chị Hà với chị Bích, anh không liên quan gì, anh chỉ là người nhận tiền hộ chị H và không liên quan gì đến việc này, nên anh không có nghĩa vụ phải trả nợ cùng với chị H. Liên quan đến cửa hàng vàng bạc H, H, do làm ăn thua lỗ, cửa hàng vàng bạc Hải Hà cũng đã ngừng hoạt động từ tháng 2/2012 đến nay.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Đào Thị B 16,5 chỉ vàng ba số 9 (999), không tính lãi. Buộc anh H, chị H phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

Tại phiên tòa, phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt và phía anh Phùng Văn Hải có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh chị. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Đây là việc kiện đòi tài sản, cụ thể là chị Đào Thị B khởi kiện buộc anh Hải, chị Hà phải trả nợ gốc là 16,5 chỉ vàng, mà theo các bên xác nhận là chị Bích "gửi" anh Hải, chị Hà, nhưng thực chất là quan hệ cho vay, có trả lãi trong giao dịch dân sự.

Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp dân sự giữa hai bên đều là cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, thẩm quyền thụ lý, giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo qui định của điều 159 BLTTDS, thì đây là tranh chấp kiện đòi tài sản đang bị người khác chiếm hữu, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, đơn khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Về áp dụng pháp luật: Do thời điểm giao dịch của các bên là vào năm 2011, nên HĐXX áp dụng các quy định của BLDS 2005 và Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 đang có hiệu lực để giải quyết.

Về nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị B là có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ:

Thứ nhất: Về số nợ phải trả, dù còn có tranh cãi về tuổi vàng ba số chín (999) với bốn số chín (9999), song các bên thống nhất số nợ gốc là 16,5 chỉ vàng. Phía bị đơn chỉ chấp nhận trả vàng 03 số chín 9999), nguyên đơn chấp nhận yêu cầu này của bị đơn. Do đó, Tòa chấp nhận sự tự nguyện của họ.

Thứ hai: Về người trả nợ, Trong khi chị Bích yêu cầu vợ chồng anh Hải, chị Hà cùng phải trả, thì anh H, chị H chỉ chấp nhận để chị Hà trả với lý do, chị H mới là người vay, anh H không liên quan gì vì anh chỉ là người viết giấy vay nợ hộ, khi mà chị Hà đi vắng. Hội đồng xét xử nhận thấy, không chấp nhận lý do này của phía bị đơn vì:

Quan hệ giữa ông Phùng Văn H, bà Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng, mà theo quy định Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì "*Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất*" và "*Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung bằng công sức của mỗi người và có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung*", cho nên số tài sản này dù là anh Hải hay chị Hà vay của nguyên đơn thì vẫn phải được coi là tài sản chung của vợ chồng và đương nhiên khi có công nợ phát sinh, thì nghĩa vụ trả nợ cũng

là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Hơn nữa, cả anh H, chị H đều xác nhận, sau khi vay được số vàng trên, vợ chồng anh chị lại cho chị Nguyễn Thị C, ở thôn Văn Minh, xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, vay để lấy lãi suất chênh lệch phục vụ mục đích làm ăn kinh tế gia đình, điều này chứng minh sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ của họ trong giao dịch này. Hơn nữa, phía chị Hà, anh H còn sử dụng "*Hóa đơn đảm bào vàng*" của Công ty vàng bạc đá quý H, H để làm giấy biên nhận gửi vàng, mặc dù, anh H, chị H xác nhận, đây là giao dịch mang tính cá nhân, không sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty để tham gia giao dịch, song nó thể hiện sự liên quan của anh Hải và chị H trong quan hệ vay mượn vàng với chị B.

Thứ ba: Trong quá trình các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử vụ án Nguyễn thị Cúc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà anh Hải, chị Hà là nạn nhân, thì anh Hải, chị Hà có đơn trình báo với nội dung tố cáo chị Cúc chiếm đoạt của anh chị trên 04 tỉ đồng cùng 370 cây vàng và như anh chị thừa nhận, số vàng của chị Bích nằm trong số 370 cây vàng nói trên.

Về hình thức giao dịch: Các bên thực hiện giao dịch bằng văn bản và sử dụng "*hóa đơn đảm bảo vàng*" , hóa đơn này là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh mua bán vàng, song nội dung ghi trên hóa đơn không phải là việc mua bán mà vàng là xác nhận việc "*gửi*" vàng, có lãi xuất và thời hạn trả vv...không liên quan gì đến việc mua bán hàng hóa được thể hiện tại các cột, mục ghi trên hóa đơn. Nên về mặt pháp luật, Tòa chỉ xem đây là giao dịch giữa các cá nhân với nhau mà thôi.

Từ những lý do trên nên buộc cả chị Nguyễn Thị Hà và anh Phùng Văn Hải phải có trách nhiệm thanh toán trả 16,5 chỉ vàng, loại ba số 9 (999) cho chị Đào Thị Bích.

Đối với tiền lãi, do phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và không tính lãi. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và không trái pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Bích được chấp nhận, nên hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho chị Đào Thị Bích đã nộp.

Chị Nguyễn Thị Hà và anh Phùng Văn Hải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ở tại thời điểm xét xử, 01 chỉ vàng, loại ba số chín (999), theo giá tham khảo tại thị trường và tại cửa hàng vàng bạc đá quý Hiệu vàng Hồi Chè, do ông Hoàng Văn Hồi, trú tại tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, có giá giao dịch mua vào là 5.500.000 đồng một chỉ vàng bốn số chín (9999), còn vàng ba số chín (999) có giá thấp hơn là 5.470.000 đồng một chỉ x 16,5 chỉ = 90.255.000 đồng. Chị Hà, anh Hải, phải chịu **4.512.000** đồng (làm tròn số) đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 298, 299 và điều 302 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 28 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị B đối với chị anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị Hà phải thanh toán trả chị Đào Thị Bích **16,5** (*Mười sáu phẩy năm*) chỉ vàng ba số chín (**999**), có giá trị tương đương **90.255.000** *đồng (Chín mươi triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng)*.

Kể từ ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thanh toán số tiền phải thanh toán, thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H phải chịu **4.512.000** đồng (*Bốn triệu, năm trăm mười hai ngàn đồng* (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Đào Thị Bh, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **2.111.300** đồng (*Hai triệu, một trăm mười một ngàn, ba trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0048041 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký

Nguyễn Văn Quang